

Danh sách model được sử dụng

Phụ tùng	Mô tả	Model	Tên mô tả	Bản vẽ	Số lượng
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	2030	Planer Jointer	097	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	2030	Planer Jointer	105	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	2414B	Portable Cut-Off	012	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	2414NB	Portable Cut-Off	022	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	2702	Table Saw	025	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	2703	Table Saw	025	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	3501N	Groove Cutter	028	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	4110C	Angle Cutter	030	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	5700	CIRCULAR SAW 203MM	046	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	5900B	Circular Saw	039	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	9607	DISC GRINDER 180MM	020	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	9607NB	Angle Grinder	054	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	9609HB	Disc Grinder	054	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	9609NB	DISC GRINDER 230MM	054	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	DS4000	Drill	005	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	GA7001	Disc Grinder	028	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	GS5000	Máy Mài Thẳng Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	016	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	GS6000	Straight Grinder	016	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	HM1214C	Demolition Hammer	054	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	HM1214C	Demolition Hammer	054-2	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	HM1800	ELECTRIC BREAKER	002	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	HM1801	Electric Breaker	002	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	HM1810	Electric Breaker	002	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	LH1040	Table Top Miter Saw	015	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	LH1040F	Table Top Miter Saw	015	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	LS1030	Miter Saw	066	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	LS1030N	Máy Cưa Đa Góc Để Bàn Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	037	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	LS1040	Máy Cưa Đa Góc Để Bàn Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	035	1
211256-2	Bạc đạn 6203LLB	LS1045	Compound Miter Saw	036	1

Ngày in 23/07/2026



Tài liệu được tổng hợp bởi đội ngũ kỹ thuật của **NPOWER** Bản quyền nội dung thuộc về **MAKITA**
www.npower.com.vn Powered by **NAVITECH** | www.navitech.co